TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/DS-ST
Ngày: 31 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLST-DS ngày 4 tháng 3 năm 2021 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc L; Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Đường B, phường D, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; Địa chỉ: Đường B, phường D, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L, ông C và bà B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 23 tháng 02 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Ngọc L trình bày:*

Ngày 12/3/2020, bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Huy

C mượn số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 12/3/2020 đến ngày 12/9/2020, không có thỏa thuận lãi suất. Thực tế, bà B và ông C không có trả tiền lãi cho bà.

Hết thời hạn vay, bà B và ông C không trả cho bà tiền nợ gốc. Bà không liên lạc được với bà B và ông C.

Do bà B và ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà yêu cầu bà B và ông C trả cho bà số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà không yêu cầu bà B và ông C trả tiền lãi.

2. *Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Huy C bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà L khởi kiện yêu cầu bà B và ông C trả số tiền 60.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 12/3/2020. Bà B và ông C cư trú tại quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của bà L phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà B và ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Theo kết quả xác minh của Công an phường D, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/01/2022 thể hiện: Bà B và ông C có hộ khẩu thường trú tại Đường B,

phường D, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay cả hai không còn cư trú tại địa phương và đã chuyển đến cư trú tại đường E, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Theo kết quả xác minh của Công an phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/3/2022 thể hiện: Bà B và ông C không thực tế cư trú tại đường E, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện ở đâu không rỏ.

- Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà B và ông C nhưng bà B và ông C vắng mặt, không nộp *(gửi)* cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

- Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 12/3/2020 thể hiện bà B và ông C có mượn của bà L số tiền 60.000.000 đồng. Bà L khởi kiện yêu cầu bà B và ông C trả lại số tiền nợ gốc này ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bà L không yêu cầu bà B và ông C trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Huy C trả cho bà Lê Ngọc L số tiền còn nợ là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, bà B và ông C chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bà B và ông C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Huy C phải chịu án phí là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

2.2 Trả lại cho bà Lê Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0028046 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Về nghĩa vụ thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên **Hội đồng xét xử**	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
	Châu Thị Hồng Đào

- Bà Trần Thị Kim Phượng và bà Trần Thị Viên liên đới trả cho ông Hùng và bà Đào số tiền 665.239.000 đồng (gồm nợ gốc là 620.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày 23/9/2020 là 8 tháng 23 ngày, lãi suất 10%/1 năm (0,83333%/1 tháng; 0,02739%/1 ngày) là: (620.000.000 đồng x 8 tháng x 0,83333%/1 tháng) + (620.000.000 đồng x 23 ngày x 0,02739%/1 ngày) = 41.333.168 đồng + 3.905.814 đồng = 45.239.000 đồng.